

Chứng Nhận Khấu Lưu Thuế của Nhân Viên
 Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của quý vị có thể khấu lưu thuế thu nhập liên bang đúng từ tiền lương của quý vị.
 Đưa Mẫu W-4 cho chủ lao động của quý vị.
 Khoản khấu lưu của quý vị có thể được IRS xét lại.

Bước 1: Nhập Thông Tin Cá Nhân	(a) Tên và chữ viết tắt tên đệm	Họ	(b) Số an sinh xã hội
	Địa chỉ		Tên của quý vị có khớp với tên trên thẻ an sinh xã hội của quý vị không? Nếu không, để bảo đảm quý vị được công nhận cho thu nhập kiểm được của mình, liên lạc SSA tại 800-772-1213 hoặc truy cập www.ssa.gov .
	Thành phố hoặc thị trấn, tiểu bang và mã ZIP		
(c) <input type="checkbox"/> Độc thân hoặc Vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế <input type="checkbox"/> Vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc Người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện <input type="checkbox"/> Chủ gia đình (Chỉ đánh dấu nếu quý vị chưa kết hôn và phải trả hơn một nửa chi phí để duy trì ngôi nhà cho chính mình và một người đủ điều kiện.)			

CHỈ hoàn thành các Bước 2-4 nếu áp dụng đối với quý vị; nếu không, nhảy sang Bước 5. Xem trang 2 để biết thêm thông tin cho từng bước, đối tượng nào có thể yêu cầu miễn khấu lưu thuế, các chi tiết khác, và quyền riêng tư.

Bước 2: Hoàn thành bước này nếu quý vị (1) làm nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và người phối ngẫu của quý vị cũng đi làm. Khoản khấu lưu đúng phụ thuộc vào thu nhập kiểm được từ tất cả các công việc này.
 Thực hiện **chỉ một** trong những yêu cầu sau.

(a) Để dành mai sau dùng.

(b) Sử dụng Bảng Tính cho Nhiều Công Việc ở trang 3 và nhập kết quả vào Bước 4(c) bên dưới; **hoặc**

(c) Nếu chỉ có tổng cộng hai công việc, quý vị có thể đánh dấu vào ô này. Thực hiện tương tự trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Tùy chọn này thông thường chính xác hơn (b) nếu tiền của mức lương thấp hơn nhiều hơn một nửa của tiền của mức lương cao hơn. Nếu không thì (b) là chính xác hơn

MẸO: Nếu quý vị có thu nhập tự kinh doanh, xem trang 2.

Hoàn thành các Bước 3-4(b) trên Mẫu W-4 cho duy nhất MỘT công việc trong số này. Để trống các bước đó cho các công việc khác. (Khoản khấu lưu của quý vị sẽ được tính chính xác nhất nếu quý vị hoàn thành các Bước 3-4(b) trên Mẫu W-4 cho công việc có mức lương cao nhất.)

Bước 3: Kê Khai Người Phụ Thuộc và Các Tín Thuế Khác	Nếu tổng thu nhập của quý vị là \$200.000 trở xuống (\$400.000 trở xuống nếu là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế): Nhân số trẻ đủ điều kiện dưới 17 tuổi với \$2.000 \$ _____ Nhân số người phụ thuộc khác với \$500 \$ _____ Cộng các số tiền ở trên cho trẻ em và người phụ thuộc khác đủ điều kiện. Quý vị có thể cộng những tín thuế khác vào số tiền này. Nhập tổng số ở đây	3	\$
Bước 4 (không bắt buộc): Các Điều Chỉnh Khác	(a) Thu nhập khác (không phải từ công việc). Nếu quý vị muốn khấu lưu thuế đối với thu nhập khác mà quý vị dự kiến năm nay mà không có khấu lưu, nhập các khoản thu nhập khác vào đây. Các khoản này có thể bao gồm tiền lãi, cổ tức và thu nhập hưu trí	4(a)	\$
	(b) Các khoản khấu trừ. Nếu quý vị dự kiến yêu cầu các khoản khấu trừ không phải là khấu trừ tiêu chuẩn và muốn giảm khoản khấu lưu của quý vị, sử dụng Bảng Tính cho Các Khoản Khấu Trừ ở trang 3 và nhập kết quả vào đây	4(b)	\$
	(c) Khấu lưu bổ sung. Nhập bất kỳ khoản thuế bổ sung nào quý vị muốn khấu lưu mỗi kỳ trả lương	4(c)	\$

Bước 5: Ký Tên Ở Đây	Theo hình phạt của tội khai man, tôi tuyên bố rằng giấy chứng nhận này, theo hiểu biết và sự tin tưởng tốt nhất của tôi, là thật, đúng, và đầy đủ.		
	Chữ ký của nhân viên (Mẫu đơn này không hợp lệ trừ khi quý vị ký tên.)		Ngày

Dành cho Chủ Lao Động	Tên và địa chỉ của chủ lao động	Ngày đầu tiên làm việc	Mã số thuế của chủ lao động (EIN)
------------------------------	---------------------------------	------------------------	-----------------------------------

Hướng Dẫn Chung

Các tham chiếu đoạn là của Bộ Luật Thuế Vụ.

Những Thay Đổi Trong Tương Lai

Để biết thông tin mới nhất về những thay đổi liên quan đến Mẫu W-4, chẳng hạn như luật được ban hành sau khi mẫu đơn được công bố, truy cập www.irs.gov/FormW4vie.

Mục Đích của Mẫu

Hoàn thành Mẫu W-4 để chủ lao động của quý vị có thể khấu trừ thuế thu nhập liên bang đúng từ tiền lương của quý vị. Nếu khoản khấu trừ là quá ít, quý vị thường sẽ nợ thuế khi nộp tờ khai thuế và có thể nợ một khoản tiền phạt. Nếu khoản khấu trừ là quá nhiều, quý vị thường sẽ được hoàn lại tiền. Hoàn thành Mẫu W-4 mới nếu những thay đổi về tình hình tài chính hoặc cá nhân của quý vị có thể thay đổi thông tin trong các mục trên mẫu đơn. Để biết thêm thông tin về việc khấu trừ và khi nào quý vị phải cung cấp Mẫu W-4 mới, xem Ấn Phẩm 505, Khấu Trừ Thuế và Thuế Ước Tính.

Miễn khấu trừ thuế. Quý vị có thể yêu cầu miễn khấu trừ cho năm 2023 nếu quý vị đáp ứng cả hai điều kiện sau: quý vị không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2022 và quý vị dự kiến sẽ không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2023. Quý vị không có nợ thuế thu nhập liên bang trong năm 2022 nếu (1) tổng số thuế của quý vị ở dòng 24 trên Mẫu 1040 hoặc 1040-SR năm 2022 của quý vị là không (hoặc nhỏ hơn tổng số của các dòng 27, 28 và 29), hoặc (2) quý vị không bắt buộc phải khai thuế vì thu nhập của quý vị thấp hơn ngưỡng phải khai thuế đối với tình trạng khai thuế đúng của quý vị. Nếu quý vị yêu cầu miễn, quý vị sẽ không bị khấu trừ thuế thu nhập từ phiếu lương của mình và có thể sẽ nợ thuế cũng như tiền phạt khi quý vị nộp tờ khai thuế năm 2023. Để yêu cầu miễn khấu trừ, hãy chứng nhận rằng quý vị đáp ứng cả hai điều kiện ở trên bằng cách viết "Miễn" trên Mẫu W-4 vào khoảng trống bên dưới Bước 4(c). Sau đó, hoàn thành các Bước 1(a), 1(b), và 5. Không hoàn thành bất kỳ các bước nào khác. Quý vị sẽ cần nộp Mẫu W-4 mới trước ngày 15 tháng 2, 2024.

Quyền riêng tư của quý vị. Nếu quý vị lo ngại về Bước 2(c), quý vị có thể chọn Bước 2(b); nếu quý vị lo ngại về Bước 4(a), quý vị có thể nhập một số tiền bổ sung mà quý vị muốn khấu trừ cho mỗi kỳ trả lương trong Bước 4(c).

Tự kinh doanh. Thông thường, quý vị sẽ nợ cả thuế thu nhập và thuế tự kinh doanh đối với bất kỳ khoản thu nhập nào từ việc tự kinh doanh mà quý vị nhận được riêng biệt với tiền lương quý vị nhận được với tư cách là một nhân viên. Nếu quý vị muốn trả những khoản thuế này thông qua khấu trừ từ tiền lương của mình, quý vị nên nhập tự kinh doanh vào Bước 4(a). Sau đó tính thuế tự kinh doanh của quý vị, chia số thuế đó cho số kỳ trả lương còn lại trong năm và bao gồm kết quả số tiền đó cho mỗi kỳ trả lương vào Bước 4(c). Quý vị cũng có thể cộng một nửa số tiền thuế tự kinh doanh hàng năm vào bước 4(b) như là khấu trừ. Để tính thuế tự kinh doanh, quý vị thường nhận thu nhập tự doanh với 14,13% (tỷ lệ này là một cách nhanh chóng để tính thuế tự kinh doanh của quý vị và bằng tổng của thuế an sinh xã hội 12,4% và thuế Medicare 2,9% nhân với 0,9235). Xem Ấn Phẩm 505 để biết thêm thông tin, đặc biệt là nếu tổng của thu nhập tự kinh doanh nhân với 0,9235 và tiền lương vượt quá \$160.200 cho một cá nhân nhất định.

Người nước ngoài tạm trú. Nếu quý vị là người nước ngoài tạm trú xem Thông Báo 1392, Hướng Dẫn Bổ Sung cho Mẫu W-4 cho Người Nước Ngoài Tạm Trú, trước khi hoàn thành mẫu đơn này.

Hướng Dẫn Cụ Thể

Bước 1(c). Kiểm tra tình trạng khai thuế dự kiến của quý vị. Điều này sẽ xác định khoản khấu trừ tiêu chuẩn và thuế suất được sử dụng để tính khoản khấu trừ của quý vị.

Bước 2. Sử dụng bước này nếu quý vị (1) có nhiều hơn một công việc cùng lúc, hoặc (2) là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và quý vị và người phối ngẫu của quý vị đều đi làm.

Nếu quý vị (và người phối ngẫu) chỉ có tổng cộng hai công việc, quý vị có thể đánh dấu vào ô ở tùy chọn (c). Quý vị cũng phải đánh dấu vào ô này trên Mẫu W-4 cho công việc còn lại. Nếu ô được đánh dấu, khoản khấu trừ tiêu chuẩn và khung thuế sẽ được cắt giảm một nửa cho mỗi công việc để tính khấu trừ. Tùy chọn này cho kết quả tính gần như chính xác đối với các công việc có mức lương tương tự; nếu không, khoản thuế bị khấu trừ có thể nhiều hơn mức cần thiết và số tiền phụ trội này sẽ càng lớn khi chênh lệch mức lương giữa hai công việc càng lớn.



Nhiều công việc. Hoàn thành các Bước từ 3 đến 4(b) trên duy nhất một Mẫu W-4. Khoản khấu trừ sẽ được tính chính xác nhất nếu quý vị thực hiện trên Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất.

Bước 3. Bước này cung cấp hướng dẫn để xác định khoản tín thuế trẻ em và khoản tín thuế cho những người phụ thuộc khác mà quý vị có thể yêu cầu khi quý vị nộp tờ khai thuế. Để đủ điều kiện nhận khoản tín thuế trẻ em, trẻ phải dưới 17 tuổi tính đến ngày 31 tháng 12, phải là người phụ thuộc của quý vị và thường sống với quý vị hơn nửa năm, cũng như phải có số an sinh xã hội theo yêu cầu. Quý vị có thể yêu cầu tín thuế cho người phụ thuộc khác nếu không thể yêu cầu tín thuế trẻ em cho người đó, chẳng hạn như một đứa trẻ lớn tuổi hơn hoặc một người họ hàng đủ điều kiện. Để biết thêm các yêu cầu để hội đủ điều kiện cho các khoản tín thuế này, xem Ấn Phẩm 501, Người Phụ Thuộc, Khấu Trừ Tiêu Chuẩn và Thông Tin Khai Thuế. Quý vị cũng có thể bao gồm các khoản tín thuế khác mà quý vị đủ điều kiện trong bước này, chẳng hạn như tín thuế nước ngoài và tín thuế giáo dục. Để thực hiện điều này, cộng số tiền ước tính trong năm vào các khoản tín thuế cho người phụ thuộc của quý vị và nhập tổng số tiền vào Bước 3. Bao gồm các khoản tín thuế này sẽ làm tăng khoản tiền lương của quý vị và giảm số tiền hoàn thuế quý vị có thể nhận được khi nộp tờ khai thuế.

Bước 4 (không bắt buộc).

Bước 4(a). Ở bước này, nhập tổng thu nhập ước tính khác trong năm của quý vị, nếu có. Quý vị không nên bao gồm thu nhập từ bất kỳ công việc hoặc nghề tự kinh doanh nào. Nếu quý vị hoàn thành Bước 4(a), quý vị có thể sẽ không phải trả thuế ước tính cho khoản thu nhập đó. Nếu quý vị ưa chuộng trả thuế ước tính thay vì bị khấu trừ thuế trên các khoản thu nhập khác từ phiếu lương của mình, xem Mẫu 1040-ES, Thuế Ước Tính cho Cá Nhân.

Bước 4(b). Trong bước này, nhập số tiền từ Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ, dòng 5, nếu quý vị dự kiến yêu cầu các khoản khấu trừ khác không phải khoản khấu trừ tiêu chuẩn cơ bản trên tờ khai thuế năm 2023 và muốn giảm khấu trừ để tính cho các khoản khấu trừ này. Điều này bao gồm cả các khoản khấu trừ từng khoản và các khoản khấu trừ khác, chẳng hạn như lãi khoản vay sinh viên và IRA.

Bước 4(c). Ở bước này, nhập bất kỳ khoản thuế phụ trội nào quý vị muốn khấu trừ từ lương của mình mỗi kỳ trả lương, bao gồm bất kỳ số tiền nào từ Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ Cho Nhiều Công Việc, dòng 4. Nhập một số tiền vào đây sẽ làm giảm khoản tiền lương của quý vị và tăng số tiền hoàn thuế của quý vị hoặc giảm bất kỳ số tiền thuế nào quý vị nợ.

Bước 2(b)—Bảng Tính Các Khoản Khấu Lưu Cho Nhiều Công Việc (Giữ cho hồ sơ của quý vị.)



Nếu quý vị chọn tùy chọn ở Bước 2(b) trên Mẫu W-4, hãy hoàn thành bảng tính này (để tính tổng số thuế phụ trội cho tất cả các công việc) trên **duy nhất MỘT** Mẫu W-4. Khoản khấu lưu sẽ được tính chính xác nhất nếu quý vị hoàn thành bảng tính và nhập kết quả vào Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất. Để được chính xác, gửi Mẫu W-4 mới cho tất cả các công việc khác nếu quý vị chưa cập nhật khấu lưu của mình từ năm 2019.

Ghi chú: Nếu nhiều hơn một công việc có tiền lương hàng năm nhiều hơn \$120.000 hoặc có nhiều hơn ba công việc, xem Ấn Phẩm 505 để xem các bảng bổ sung.

- 1 **Hai công việc.** Nếu quý vị có hai công việc hoặc là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế và quý vị và người phối ngẫu mỗi người có một công việc, tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4. Sử dụng hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn", tìm giá trị tại giao điểm của mức lương của hai hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 1. Sau đó, **nhảy** đến dòng 3 **1** \$ _____
- 2 **Ba công việc.** Nếu quý vị và/hoặc người phối ngẫu có ba công việc cùng lúc, hoàn thành các dòng 2a, 2b và 2c dưới đây. Nếu không, nhảy đến dòng 3.
 - a Tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4 bằng cách sử dụng tiền lương hàng năm từ công việc được trả lương cao nhất trong hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và tiền lương hàng năm cho công việc được trả lương cao nhất tiếp theo của quý vị trong cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn". Tìm giá trị tại giao điểm của mức lương của hai hộ gia đình và nhập giá trị đó vào dòng 2a **2a** \$ _____
 - b Cộng tiền lương hàng năm của hai công việc được trả lương cao nhất từ dòng 2a với nhau và sử dụng tổng số tiền đó làm mức tiền lương trong hàng "Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn" và sử dụng tiền lương hàng năm cho công việc thứ ba của quý vị trong cột "Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn" để tìm khoản tiền từ bảng thích hợp ở trang 4 và nhập số tiền này vào dòng 2b **2b** \$ _____
 - c Cộng số tiền ở dòng 2a và 2b và nhập kết quả vào dòng 2c **2c** \$ _____
- 3 Nhập số kỳ trả lương mỗi năm cho công việc được trả lương cao nhất. Ví dụ, nếu công việc đó trả lương hàng tuần, nhập 52; nếu trả lương cách tuần, nhập 26; nếu trả lương hàng tháng, nhập 12, v.v. **3** _____
- 4 Chia số tiền hàng năm ở dòng 1 hoặc dòng 2c cho số kỳ trả lương ở dòng 3. Nhập số tiền này vào đây và ở **Bước 4(c)** của Mẫu W-4 cho công việc được trả lương cao nhất (cùng với bất kỳ khoản thu nhập bổ sung nào khác mà quý vị muốn khấu lưu) **4** \$ _____

Bước 4(b)—Bảng Tính Các Khoản Khấu Trừ (Giữ cho hồ sơ của quý vị.)



- 1 Nhập ước tính của các khoản khấu trừ từng khoản năm 2023 của quý vị (từ Bảng A (Mẫu 1040)). Các khoản khấu trừ này có thể bao gồm lãi của khoản vay mua nhà đủ điều kiện, đóng góp từ thiện, các khoản thuế tiểu bang và địa phương (tối đa \$10.000), và chi phí y tế vượt mức 7,5% thu nhập của quý vị **1** \$ _____
- 2 Nhập:

{	• \$27.700 nếu quý vị là vợ chồng khai chung hồ sơ thuế hoặc là người vợ/chồng còn lại đủ điều kiện	} 2 \$ _____
	• \$20.800 nếu quý vị là chủ gia đình		
	• \$13.850 nếu quý vị là độc thân hoặc vợ chồng khai riêng hồ sơ thuế		
- 3 Nếu dòng 1 lớn hơn dòng 2, lấy dòng 1 trừ dòng 2 và nhập kết quả vào đây. Nếu dòng 2 lớn hơn dòng 1, nhập "-0-" **3** \$ _____
- 4 Nhập ước tính lãi khoản vay sinh viên của quý vị, khoản đóng góp IRA được khấu trừ, và một số điều chỉnh khác (từ Phần II của Bảng 1 (Mẫu 1040)). Xem Ấn Phẩm 505 để biết thêm thông tin **4** \$ _____
- 5 **Cộng** dòng 3 và 4. Nhập kết quả tại đây và ở **Bước 4(b)** của Mẫu W-4 **5** \$ _____

Thông Báo về Đạo Luật Quyền Riêng Tư và Đạo Luật Giảm Bớt Thủ Tục Giấy Tờ. Chúng tôi yêu cầu thông tin trên mẫu đơn này để thi hành luật Thuế Vụ của Hoa Kỳ. Đoạn 3402(f)(2) và 6109 của Bộ Luật Thuế Vụ và các quy định này yêu cầu quý vị cung cấp thông tin này; chủ lao động của quý vị sử dụng chúng để xác định khoản khấu lưu thuế thu nhập liên bang của quý vị. Việc không cung cấp mẫu đơn được hoàn thành hợp lệ sẽ dẫn đến việc quý vị được coi là người độc thân và không có mục nhập nào trong mẫu đơn; cung cấp thông tin gian lận có thể khiến quý vị chịu hình phạt. Thủ tục sử dụng thông tin này bao gồm cung cấp thông tin cho Bộ Tư Pháp cho các vụ kiện tụng dân sự và hình sự; cho các thành phố, tiểu bang, Đặc Khu Columbia, các khối thịnh vượng và lãnh thổ của Hoa Kỳ để sử dụng trong hoạt động quản lý luật thuế vụ của họ; và gửi cho Bộ Y Tế và Dịch Vụ Nhân Sinh để sử dụng trong Danh Bạ Quốc Gia về Nhân Viên Mới. Chúng tôi cũng có thể tiết lộ thông tin này cho các quốc gia khác theo hiệp ước thuế, cho các cơ quan liên bang và tiểu bang để thực thi luật hình sự không liên quan đến thuế liên bang hoặc cho các cơ quan thực thi pháp luật và tình báo liên bang để chống khủng bố.

Quý vị không bắt buộc phải cung cấp thông tin được yêu cầu trên một mẫu đơn tuân theo Đạo Luật Giảm Bớt Thủ Tục Giấy Tờ trừ khi mẫu đơn đó hiển thị số kiểm soát hợp lệ của OMB. Sổ sách hoặc hồ sơ liên quan đến mẫu đơn hoặc hướng dẫn của mẫu đơn phải được lưu giữ nếu nội dung của các giấy tờ này vẫn có thể là quan trọng trong việc thi hành bất kỳ luật Thuế Vụ nào. Thông thường, các tờ khai thuế và thông tin của tờ khai được bảo mật, theo yêu cầu của đoạn 6103 của Bộ Luật.

Thời gian và chi phí trung bình cần thiết để hoàn thành và nộp mẫu đơn này sẽ khác nhau tùy theo tình huống cá nhân. Để biết mức ước tính trung bình, xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của quý vị.

Nếu quý vị có gợi ý để đơn giản hóa mẫu đơn này, chúng tôi chân thành lắng nghe từ quý vị. Xem hướng dẫn cho tờ khai thuế thu nhập của quý vị.

Vợ Chồng Khai Chung Hồ Sơ Thuế hoặc Người Vợ/Chồng Còn Lại Đủ Điều Kiện

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$0	\$850	\$850	\$1.000	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.870
\$10.000 - 19.999	0	930	1.850	2.000	2.200	2.220	2.220	2.220	2.220	2.220	3.200	4.070
\$20.000 - 29.999	850	1.850	2.920	3.120	3.320	3.340	3.340	3.340	3.340	4.320	5.320	6.190
\$30.000 - 39.999	850	2.000	3.120	3.320	3.520	3.540	3.540	3.540	4.520	5.520	6.520	7.390
\$40.000 - 49.999	1.000	2.200	3.320	3.520	3.720	3.740	3.740	4.720	5.720	6.720	7.720	8.590
\$50.000 - 59.999	1.020	2.220	3.340	3.540	3.740	3.760	4.750	5.750	6.750	7.750	8.750	9.610
\$60.000 - 69.999	1.020	2.220	3.340	3.540	3.740	4.750	5.750	6.750	7.750	8.750	9.750	10.610
\$70.000 - 79.999	1.020	2.220	3.340	3.540	4.720	5.750	6.750	7.750	8.750	9.750	10.750	11.610
\$80.000 - 99.999	1.020	2.220	4.170	5.370	6.570	7.600	8.600	9.600	10.600	11.600	12.600	13.460
\$100.000 - 149.999	1.870	4.070	6.190	7.390	8.590	9.610	10.610	11.660	12.860	14.060	15.260	16.330
\$150.000 - 239.999	2.040	4.440	6.760	8.160	9.560	10.780	11.980	13.180	14.380	15.580	16.780	17.850
\$240.000 - 259.999	2.040	4.440	6.760	8.160	9.560	10.780	11.980	13.180	14.380	15.580	16.780	17.850
\$260.000 - 279.999	2.040	4.440	6.760	8.160	9.560	10.780	11.980	13.180	14.380	15.580	16.780	18.140
\$280.000 - 299.999	2.040	4.440	6.760	8.160	9.560	10.780	11.980	13.180	14.380	15.870	17.870	19.740
\$300.000 - 319.999	2.040	4.440	6.760	8.160	9.560	10.780	11.980	13.470	15.470	17.470	19.470	21.340
\$320.000 - 364.999	2.040	4.440	6.760	8.550	10.750	12.770	14.770	16.770	18.770	20.770	22.770	24.640
\$365.000 - 524.999	2.970	6.470	9.890	12.390	14.890	17.220	19.520	21.820	24.120	26.420	28.720	30.880
\$525.000 trở lên	3.140	6.840	10.460	13.160	15.860	18.390	20.890	23.390	25.890	28.390	30.890	33.250

Độc Thân hoặc Vợ Chồng Khai Riêng Hồ Sơ Thuế

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$310	\$890	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.860	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$1.870	\$2.030	\$2.040
\$10.000 - 19.999	890	1.630	1.750	1.750	2.600	3.600	3.600	3.600	3.600	3.760	3.960	3.970
\$20.000 - 29.999	1.020	1.750	1.880	2.720	3.720	4.720	4.730	4.730	4.890	5.090	5.290	5.300
\$30.000 - 39.999	1.020	1.750	2.720	3.720	4.720	5.720	5.730	5.890	6.090	6.290	6.490	6.500
\$40.000 - 59.999	1.710	3.450	4.570	5.570	6.570	7.700	7.910	8.110	8.310	8.510	8.710	8.720
\$60.000 - 79.999	1.870	3.600	4.730	5.860	7.060	8.260	8.460	8.660	8.860	9.060	9.260	9.280
\$80.000 - 99.999	1.870	3.730	5.060	6.260	7.460	8.660	8.860	9.060	9.260	9.460	10.430	11.240
\$100.000 - 124.999	2.040	3.970	5.300	6.500	7.700	8.900	9.110	9.610	10.610	11.610	12.610	13.430
\$125.000 - 149.999	2.040	3.970	5.300	6.500	7.700	9.610	10.610	11.610	12.610	13.610	14.900	16.020
\$150.000 - 174.999	2.040	3.970	5.610	7.610	9.610	11.610	12.610	13.750	15.050	16.350	17.650	18.770
\$175.000 - 199.999	2.720	5.450	7.580	9.580	11.580	13.870	15.180	16.480	17.780	19.080	20.380	21.490
\$200.000 - 249.999	2.900	5.930	8.360	10.660	12.960	15.260	16.570	17.870	19.170	20.470	21.770	22.880
\$250.000 - 399.999	2.970	6.010	8.440	10.740	13.040	15.340	16.640	17.940	19.240	20.540	21.840	22.960
\$400.000 - 449.999	2.970	6.010	8.440	10.740	13.040	15.340	16.640	17.940	19.240	20.540	21.840	22.960
\$450.000 trở lên	3.140	6.380	9.010	11.510	14.010	16.510	18.010	19.510	21.010	22.510	24.010	25.330

Chủ Gia Đình

Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Cao Hơn	Tiền Công và Tiền Lương Chịu Thuế Hàng Năm của Công Việc Được Trả Lương Thấp Hơn											
	\$0 - 9.999	\$10.000 - 19.999	\$20.000 - 29.999	\$30.000 - 39.999	\$40.000 - 49.999	\$50.000 - 59.999	\$60.000 - 69.999	\$70.000 - 79.999	\$80.000 - 89.999	\$90.000 - 99.999	\$100.000 - 109.999	\$110.000 - 120.000
\$0 - 9.999	\$0	\$620	\$860	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.020	\$1.650	\$1.870	\$1.870	\$1.890	\$2.040
\$10.000 - 19.999	620	1.630	2.060	2.220	2.220	2.220	2.850	3.850	4.070	4.090	4.290	4.440
\$20.000 - 29.999	860	2.060	2.490	2.650	2.650	3.280	4.280	5.280	5.520	5.720	5.920	6.070
\$30.000 - 39.999	1.020	2.220	2.650	2.810	3.440	4.440	5.440	6.460	6.880	7.080	7.280	7.430
\$40.000 - 59.999	1.020	2.220	3.130	4.290	5.290	6.290	7.480	8.680	9.100	9.300	9.500	9.650
\$60.000 - 79.999	1.500	3.700	5.130	6.290	7.480	8.680	9.880	11.080	11.500	11.700	11.900	12.050
\$80.000 - 99.999	1.870	4.070	5.690	7.050	8.250	9.450	10.650	11.850	12.260	12.460	12.870	13.820
\$100.000 - 124.999	2.040	4.440	6.070	7.430	8.630	9.830	11.030	12.230	13.190	14.190	15.190	16.150
\$125.000 - 149.999	2.040	4.440	6.070	7.430	8.630	9.980	11.980	13.980	15.190	16.190	17.270	18.530
\$150.000 - 174.999	2.040	4.440	6.070	7.980	9.980	11.980	13.980	15.980	17.420	18.720	20.020	21.280
\$175.000 - 199.999	2.190	5.390	7.820	9.980	11.980	14.060	16.360	18.660	20.170	21.470	22.770	24.030
\$200.000 - 249.999	2.720	6.190	8.920	11.380	13.680	15.980	18.280	20.580	22.090	23.390	24.690	25.950
\$250.000 - 449.999	2.970	6.470	9.200	11.660	13.960	16.260	18.560	20.860	22.380	23.680	24.980	26.230
\$450.000 trở lên	3.140	6.840	9.770	12.430	14.930	17.430	19.930	22.430	24.150	25.650	27.150	28.600